

Bản án số: 73/2023/DS-PT
Ngày: 15/6/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2023/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Trụ sở chính: Số 02 L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Cẩm Nh – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh thành phố Q Bình Định (theo Quyết định ủy quyền số 265/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Giấy ủy quyền số: 03A/UQ-NHNo.QN ngày 03/01/2023 của Giám đốc Aribank Chi nhánh thành phố Q Bình Định); Trụ sở chi nhánh: Số 44 đường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Anh Th, sinh năm 1949; Địa chỉ: Số 31 đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1977 (Giấy ủy quyền công chứng số 00299, quyền số 01/2022TP/CC- SCC/HĐGD ngày 29/4/2022 của

Văn phòng Công chứng Th); Địa chỉ: Số 31 đường Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 258 đường Ng, P. Ng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Địa chỉ mới: Số 31 đường Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

2. Ông Lê Hoài Th, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 31 đường Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

3. Ông Ngô Trương Kh, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số 596/8 đường Tr, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

4. Ông Ngô Đình M; Địa chỉ: Tổ 2, Khu vực 1, phường Th, TP. Q, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

5. Bà Phạm Thị Thúy L; sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 233/61B1 đường V, phường C, quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Địa chỉ mới: Số 43 đường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

6. Công ty Cổ phần luyện cán thép V; Địa chỉ: Lô D2, KCN L, xã Ph, TP. Q, Bình Định; Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Hồng H, chức vụ: Chủ tịch HĐQT. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Thị Anh Th đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam do bà Lê Thị Cẩm Nh là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/6/2010 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Q (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Đỗ Thị Anh Th ký hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544. Theo hợp đồng, bà Đỗ Thị Anh Th vay 800.000.000đ (được tính cho từng lần rút vốn và được theo dõi tại phụ lục hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng này), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: Trong hạn là 14,5%/năm, quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: Kinh doanh hàng nông sản (có phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ).

Để bảo đảm khoản vay trên, bà Đỗ Thị Anh Th và ông Lê Minh T (ông T ủy quyền cho bà Th theo hợp đồng ủy quyền Công chứng số 1037 ngày 09/12/2009) thế chấp tài sản là nhà đất số 31 Ng, thành phố Q, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 194/^{XD/05} ngày 17/5/1997 của UBND tỉnh Bình Định. Hợp đồng thế chấp tài sản trên được công chứng số 211 ngày 29/6/2010 tại Văn phòng Công chứng Th và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở ngày 30/6/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Ngày 29/6/2010 ngân hàng giải ngân 800.000.000đ bằng tiền mặt, bà Th ký nhận qua chứng từ giao dịch số Seri

430110F06421 và nhận nợ tại Phụ lục hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 cùng ngày như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên. Sau khi vay, bà Thoa trả lãi đến ngày 28/02/2011, số tiền lãi là 85.419.999đ, người trực tiếp trả lãi thay cho bà Thoa là ông Ngô Đình M (có các chứng từ giao dịch và Phụ lục hợp đồng tín dụng), sau đó không trả lãi nữa. Theo hợp đồng, ngày 30/6/2011 Ngân hàng chuyển khoản vay trên sang nợ quá hạn, đồng thời thông báo yêu cầu bà Th trả nợ gốc và lãi. Ngày 14/01/2012 giữa ngân hàng và bên vay lập Biên bản làm việc về khoản nợ gốc, lãi và tài sản thế chấp là nhà đất số 31 Ng. Tại biên bản làm việc này, đại diện bên vay là ông Lê Thanh H (con bà Th) có ý kiến: “Hộ vay nhận nợ vay 800.000.000đ; trách nhiệm trả nợ thuộc về hộ vay. Tuy nhiên, ông H nêu ra rằng món vay này là vay cho Công ty TNHH H trả nợ”. Ngày 22/7/2011 Agribank và bà Đỗ Thị Anh Th trực tiếp đối chiếu công nợ, bà Th ký nhưng đến nay không thực hiện trả nợ gốc và lãi còn lại theo cam kết tại hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010.

Tính đến ngày 28/6/2022, bà Đỗ Thị Anh Th nợ gốc và lãi là 2.155.562.306đ (Trong đó nợ gốc 800.000.000đ, nợ lãi trong hạn 920.321.537đ, lãi quá hạn 435.240.769đ).

Ngân hàng không biết việc bà Đỗ Thị Anh Th cho bà Phạm Thị Thúy L mượn giấy tờ nhà đất bằng cách đứng tên vay, đứng tên thế chấp tài sản của mình vay để cho bà L mượn 800.000.000đ theo “Giấy mượn tiền và tài sản” bà L viết ngày 28/6/2010; Ngân hàng không biết việc mua bán cổ phần cũng như tự chuyển nghĩa vụ trả nợ về số tiền mà bà L đã mượn bà Th giữa các cổ đông (bà Loan, ông M, ông Kh) của Công ty cổ phần luyện cán thép V tại Biên bản thỏa thuận ngày 23/7/2010, nên việc ông Ngô Đình M trả lãi trong hạn (85.419.999đ) thay cho bà Th là thỏa thuận riêng giữa bà Th với các cổ đông (ông M, ông Kh, bà L). Còn việc không đóng dấu đã chi tiền trên Chứng từ giao dịch số Seri 430110F06421 ngày 29/6/2010 là do sơ suất, lỗi kỹ thuật của Ngân hàng (dấu đã chi tiền là của Agribank). Tuy nhiên, cùng ngày 29/6/2010 bà Th ký nhận nợ tại Phụ lục hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010. Đến ngày 22/7/2011 ký nhận nợ tại Phiếu đối chiếu trực tiếp với khách hàng vay; còn tại Biên bản làm việc ngày 14/01/2012 chính ông Lê Thanh H (con bà Th, đại diện bên vay) cũng thừa nhận nợ 800.000.000đ, trách nhiệm trả nợ thuộc về hộ vay. Tại trang 2 của biên bản xác minh ngày 03/10/2011 của Phòng CSĐT Tội phạm kinh tế Công an Bình Định có nội dung ghi: “Ngày 29/6/2010 trả 690.000.000đ gốc cho khế số 4301-LAV-20086615 và 40.345.000đ lãi cho khế 4301-LAV-200804100 và 69.655.833đ tiền lãi cho khế 4301-LAV-200806615” là phản ánh số tiền nợ gốc và lãi mà Công ty cổ phần luyện cán thép V đã trả cho Agribank khi đến hạn. Cho nên, không đồng ý với yêu cầu tuyên hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010 vô hiệu và trả lại giấy tờ nhà đất đã thế chấp của đại diện bị đơn.

Ngày 21/02/2022 ông Lê Hoài Th (lúc đó là đại diện ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Thị Anh Th) có đề nghị làm việc với Ngân hàng về phương án trả nợ tại hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010, số tiền đề nghị trả gốc và lãi là 1.100.000.000đ, bằng cách: Ông Th đứng tên mở tài khoản tại Ngân hàng, nộp 1.100.000.000đ (trong đó: Gốc là 800.000.000đ, lãi 300.000.000đ) vào tài

khoản đã mở nêu trên, đồng thời bà Th nộp hồ sơ xin miễn giảm. Thời gian mở tài khoản, nộp tiền vào tài khoản và nộp hồ sơ xin miễn giảm cho Ngân hàng chậm nhất đến ngày 10/3/2022 để Ngân hàng trình hồ sơ xin miễn giảm đến cấp có thẩm quyền. Nếu được cấp thẩm quyền phê duyệt miễn giảm thì anh Th chuyển tiền trả nợ gốc và lãi là 1.100.000.000đ, Ngân hàng xóa nợ và giải chấp nhà đất đã nhận thế chấp là tạo điều kiện thuận lợi cho bà Thoa trả nợ, nhưng bà không thực hiện.

Trước đây, bà Phạm Thị Thúy L có đề nghị trả nợ thay cho bà Th 850.000.000đ (gốc 800.000.000đ, lãi 50.000.000đ), tại phiên tòa ngày 05/4/2022 cũng đề nghị trả nợ thay cho bà Th 950.000.000đ (gốc 800.000.000đ, lãi 150.000.000đ) với điều kiện Ngân hàng phải xóa nợ và giải chấp nhà đất cho bà Th là không đúng đối tượng vay trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, nên Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu của bà L.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu: Buộc bà Đỗ Thị Anh Th có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi là: 2.155.562.306đ (Trong đó nợ gốc: 800.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 920.321.537đ, nợ lãi quá hạn: 435.240.769đ). Đồng thời, bà Th còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bà Đỗ Thị Anh Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 31 Ng, thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 194/^{XD/05} ngày 17/5/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định được xử lý theo quy định của pháp luật để Agribank thu hồi nợ vay gốc và lãi.

Bị đơn bà Đỗ Thị Anh Th do anh Lê Thanh H là người đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 29/6/2010 bà Đỗ Thị Anh Th và Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Q ký hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544. Theo hợp đồng: Số tiền vay 800.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 14,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Khi vay, bà Đỗ Thị Anh Th, có thế chấp tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại số nhà 31 Ng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 194/^{XD/05} ngày 17/5/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng số 211 ngày 29/6/2010 tại Văn phòng Công chứng Th và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở ngày 30/6/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q. Việc bà Th ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là cho bà Phạm Thị Thúy L (Giám đốc, đại diện pháp luật Công ty cổ phần luyện cán thép V) mượn giấy tờ nhà số 31 Ng nên đứng tên thế chấp, vay giúp cho bà L 800.000.000đ.

Việc bà Th ký tên trên Chứng từ giao dịch số Seri: 430110F06421 ngày 29/6/2010 và ký nhận nợ 800.000.000đ tại Phụ lục hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010 chỉ là thủ tục để hoàn tất việc giải ngân, thực tế Ngân hàng giải ngân bằng cách tự chuyển 800.000.000đ vào tài khoản của Công ty cổ phần luyện cán thép V mở tại Ngân hàng, hoặc tự chuyển trả nợ vay cho Công

ty cổ phần luyện cán thép V, thể hiện: Trên Chứng từ giao dịch số Seri: 430110F06421 ngày 29/6/2010 không có dấu “đã chi tiền” và tại trang 2 của biên bản xác minh ngày 03/10/2011 của Phòng CSĐT Tội phạm kinh tế Công an Bình Định có đoạn ghi “Ngày 29/6/2010 trả 690.000.000đ gốc cho khế số 4301-LAV-20086615 và 40.345.000đ lãi cho khế uớt 4301-LAV-200804100 và 69.655.833đ tiền lãi cho khế uớt số 4301-LAV-200806615”. Mặt khác, ông Ngô Đình M là cổ đông Công ty cổ phần luyện cán thép V trực tiếp trả lãi vay. Cho thấy, Hợp đồng tín dụng số: 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010 là giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác. Vì vậy, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu tuyên Hợp đồng tín dụng số: 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010 vô hiệu, Ngân hàng trả lại giấy tờ nhà đất đã nhận thế chấp theo Điều 124 Bộ luật dân sự 2015.

Chồng bà Th là ông Lê Minh T chết ngày 06/7/2012. Cha, mẹ ông T chết đã lâu, ông T không có con nuôi, con riêng, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông T hiện tại chỉ có bà Đỗ Thị Anh Th, ông Lê Thanh H và ông Lê Hoài Th. Bà Phạm Thị Thúy L là mẹ vợ của ông Lê Thanh H (nay đã ly hôn).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. *Tại bản khai ngày 25/3/2014 và các lời khai tiếp theo anh Lê Hoài Th trình bày:* Ngày 29/6/2010 bà Đỗ Thị Anh Th có ký vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Q số tiền 800.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 14,5%/năm, mục đích vay là để kinh doanh hàng nông thổ sản, theo hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010. Để đảm bảo cho việc trả nợ của hợp đồng tín dụng trên, bà Th có thế chấp tài sản là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ 31 Ng₂, thành phố Q, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có hồ sơ gốc số: 194/^{XD/05} do UBND tỉnh Bình Định cấp cho ông Lê Minh T và bà Đỗ Thị Anh Th vào ngày 17/5/1997, có xác lập hợp đồng thế chấp số 141/10 ngày 29/6/2010 tại Văn phòng Công chứng Th, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bà Th có trực tiếp ký trên chứng từ giao dịch số 430110F06421 ngày 29/6/2010, nhưng thực tế là để hợp thức hóa hồ sơ chứ thực tế bà Th không nhận tiền mặt. Số tiền này được Ngân hàng tự ý chuyển cho Công ty cổ phần luyện cán thép V. Quá trình trả lãi cho ngân hàng do Công ty cổ phần luyện cán thép V trả lãi, bà Th không có trả lãi lần nào, cũng không có văn bản ủy quyền cho Công ty V nộp thay. Điều này thể hiện sự liên quan của Công ty V với khoản vay trên và cũng được thể hiện tại biên bản thỏa thuận ngày 23/7/2011 giữa Công ty cổ phần luyện cán thép V với bà Th.

Bà Th có nhận được thông báo số 169/BĐTV của Ngân hàng nhưng không nhớ thời gian nhận. Ngày 22/7/2011 Ngân hàng có lập phiếu đối chiếu công nợ trực tiếp và bà Th đã ký vào phiếu này.

Đề nghị Tòa tuyên Hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010 vô hiệu, vì những dấu hiệu lừa dối khách hàng của phía Ngân hàng vì theo hợp đồng tín dụng: mục đích thu mua nông sản khi vay là không có thực, số tiền cho vay quá lớn khi bị đơn không có đăng ký kinh doanh, thẩm định giá trị

nhà quá cao so với thực tế, thời gian làm hợp đồng tín dụng chỉ có 01 ngày do phía ngân hàng tự làm, bà Th không nhận tiền mặt 800.000.000đ. Và yêu cầu ngân hàng trả lại sổ hữu chủ nhà 31 Ng, thành phố Q cho bị đơn.

2. *Tại phiên tòa, ông Lê Thanh H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Thống nhất lời trình bày của bị đơn bà Đỗ Thị Anh Th mà ông là đại diện trình bày, không bổ sung gì thêm.

3. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2012 và các lời khai tiếp theo bà Phạm Thị Thúy L trình bày:* Bà có mượn giấy tờ nhà đất của bà Th tại 31 Ng, thành phố Q, nên nhờ bà Th đứng tên vay giùm 800.000.000đ và thế chấp nhà đất 31 Ng, thành phố Q cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Khi làm thủ tục vay có đi cùng bà Th nên biết bà Th không nhận được tiền khi Ngân hàng giải ngân. Bà Th ký hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010 và ký giấy nhận nợ nhưng không hề nhận tiền. Việc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Q tự ý chuyển số tiền 800.000.000đ bà Th vay vào tài khoản của Công ty V lúc đó bà là giám đốc mà không được sự đồng ý của bà và bà Th. Tuy nhiên, do áp lực về việc này, nên bà có viết Giấy mượn tiền và tài sản. Do bà Th bị oan nên bà tự nguyện trả số tiền gốc thay cho bà Thoa tại hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010. Cụ thể: Trả thay cho bà Th số tiền nợ gốc theo hợp đồng nêu trên là 800.000.000đ. Nợ lãi còn lại hiện tại bà Th già yếu rất khó khăn, tôi cũng không có điều kiện nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện xóa nợ lãi còn lại. Việc làm đơn yêu cầu xóa nợ lãi do bà Th làm đơn. Yêu cầu ngân hàng giải chấp nhà đất số 31 Ng cho bà Th.

4. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2012 ông Ngô Trương Kh trình bày:* Ông có góp vốn cùng ông M để mở rộng kinh doanh công ty V, ông với ông M, bà L và ông H (con bà Th) có lập biên bản thỏa thuận ngày 23/7/2010. Hiện nay ông không còn làm việc tại công ty, ông không nhớ thời gian nào nhưng ông đã chuyển nhượng cổ phần cho ông M có ghi rõ thời gian. Hiện nay ông đã nghỉ việc nên quyền lợi và nghĩa vụ không còn, vì vậy sự việc này do công ty chịu trách nhiệm giải quyết, ông không còn liên quan nữa.

5. *Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2012, ngày 25/3/2013 và biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2013 tại Công ty cổ phần luyện cán thép V và tại nơi cư trú của ông Ngô Đình M:* Ông Ngô Đình M đã bàn giao công việc Công ty cổ phần luyện cán thép V. Ông M đi làm ăn xa, không có mặt tại nơi cư trú, nên lập biên bản lấy lời khai không được.

6. *Công ty cổ phần luyện cán thép V:* Tòa đã tổng đạt, niêm yết nhưng đại diện pháp luật Công ty cổ phần luyện cán thép V không đến Tòa làm việc.

Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

1. Buộc bà Đỗ Thị Anh Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền: 2.155.562.306đ (Trong đó nợ gốc:

800.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 920.321.537đ và nợ lãi quá hạn: 435.240.769đ).

Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho bà Đỗ Thị Anh Th các giấy tờ về tài sản đã nhận theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 141/10, công chứng số 211 ngày 29/6/2010 tại Văn phòng Công chứng Th sau khi nhận đủ tiền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Đỗ Thị Anh Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì tài sản thế chấp là nhà đất số nhà 31 Ng, thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc 194/^{XD/05} ngày 17/5/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định được xử lý theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ gốc và lãi.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30/6/2022 bị đơn Đỗ Thị Anh Th do ông Lê Thanh H đại diện theo ủy quyền gửi đơn kháng cáo, ngày 16/8/2022 gửi đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do bỏ qua một số chứng cứ quan trọng như biên đối chất ngày 12/11/2011, biên bản xác minh ngày 03/11/2011; chấp nhận một số tài liệu giả mạo như phiếu đối chiếu trực tiếp với khách hàng vay ngày 22/7/2011, bản sao kê tài khoản giả mạo; vi phạm thủ tục tố tụng dân sự.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Đại diện theo ủy quyền cho bà Th thừa nhận bà Th là người ký tên trên các thủ tục để vay 800.000.000đ ngày 29/6/2010. Đến ngày 22/7/2011 (sau một năm) giữa ngân hàng và bà Th có lập phiếu đối chiếu công nợ, bà Th tiếp tục ký xác nhận nợ Ngân hàng 800.000.000đ. Ngày 14/01/2012 tại Biên bản làm việc giữa ngân hàng với hộ vay thì ông Lê Thanh H (con bà Th, đại diện bên vay) thừa nhận nợ Ngân hàng 800.000.000đ, trách nhiệm trả nợ thuộc về hộ vay. Tại thời điểm giải ngân bà Th không có khiếu nại gì đối với ngân hàng mà vẫn ký nhận nợ 800.000.000đ. Nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Th trả nợ vay gốc và lãi cho ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Ngoài ra, bà Th sinh năm 1949 là người cao tuổi nên theo quy định tại khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì bà Th thuộc đối tượng được miễn án phí. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần nội dung, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Trương Kh, ông Ngô Đình M, bà Phạm Thị Thúy L, đại diện Công ty Cổ phần luyện cán thép V vắng mặt phiên tòa mở lần thứ 2 nên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Anh Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ngày 29/6/2010 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Q (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Đỗ Thị Anh Th có ký hợp đồng tín dụng số: 4301-LAV-2011544. Theo hợp đồng tín dụng, bà Đỗ Thị Anh Th vay 800.000.000đ (được tính cho từng lần rút vốn và được theo dõi tại phụ lục Hợp đồng hoặc giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng này), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay: Trong hạn là 14,5%/năm, quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: Kinh doanh hàng nông sản (có phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ).

Để bảo đảm khoản vay trên, bà Đỗ Thị Anh Th và ông Lê Minh T (ông T ủy quyền cho bà Th theo hợp đồng ủy quyền Công chứng số: 10737 ngày 09/12/2009) thế chấp tài sản là nhà đất số 31 Ng, thành phố Q theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 194/^{XD/05} ngày 17/5/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Hợp đồng thế chấp tài sản trên được công chứng số 2211 ngày 29/6/2010 tại Văn phòng Công chứng Thanh Bình và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở ngày 30/6/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q.

Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền 800.000.000đ cho bà Th theo Hợp đồng tín dụng và bà Th đã ký nhận tiền bằng chứng từ giao dịch số Seri: 430110F06421 ngày 29/6/2010 và nhận nợ vay tại Phụ lục hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 ngày 29/6/2010. Do đó thủ tục giải ngân tiền mặt đã hoàn thành. Còn việc không có dấu “đã chi tiền” trên chứng từ giao dịch là sơ xuất của ngân hàng.

[2.2] Bà Th không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ngân hàng vì bà Th cho rằng mặc dù bà ký tên trên Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, chứng từ giao dịch số Seri: 430110F06421 và nhận nợ trên Phụ lục hợp đồng tín dụng số 4301-LAV-2011544 cùng ngày 29/6/2010 nhưng chỉ là thủ tục để hoàn tất việc giải ngân, thực tế bà Th không nhận tiền nên Chứng từ giao dịch số Seri: 430110F06421 không có dấu “đã chi tiền” và Ngân hàng tự ý chuyển trả nợ vay cho Công ty cổ phần luyện cán thép V chưa có sự đồng ý của bà Th.

Căn cứ vào Biên bản đối chất ngày 12/11/2014, Bản khai ngày 18/5/2023, cũng như tại phiên Tòa phúc thẩm thì Ngân hàng thừa nhận theo yêu cầu của bà Th thì thay vì ngân hàng chi tiền ra cho bà Th nhận đếm và khi bà Th nộp tiền vào ngân hàng thì ngân hàng tiến hành đếm và lập phiếu thu nhưng ngân hàng chỉ tiến hành lập các thủ tục chi tiền và thu tiền bù trừ nghĩa vụ, dùng để trả nợ cho Công ty TNHH sắt thép H (hiện nay là Công ty Cổ phần luyện cán thép V) theo yêu cầu bà Th là phù hợp với các chứng từ giao dịch 430110F06414, 430110F06417,

430110F06420 cùng ngày 29/6/2010 nội dung chứng từ là Ngân hàng thu nợ Công ty TNHH sắt thép H và phù hợp với trang 2 của biên bản xác minh ngày 03/10/2011 của Phòng CSĐT Tội phạm kinh tế Công an Bình Định có đoạn ghi “Ngày 29/6/2010 trả 690.000.000đ gốc cho khế số 4301-LAV-20086615 và 40.345.000đ lãi cho khế uớt 4301-LAV-20084100 và 69.655.833đ tiền lãi cho khế uớt số 4301-LAV-200806615”. Như vậy tổng số tiền trả nợ cho Công ty TNHH sắt thép H (hiện nay là Công ty Cổ phần luyện cán thép V) đúng bằng với số tiền giải ngân 800.000.000đ trong cùng ngày 29/6/2020. Mặt khác, sau khi bà Th và ngân hàng lập các thủ tục giải ngân và chuyển trả nợ vay cho Công ty TNHH sắt thép H (hiện nay là Công ty Cổ phần luyện cán thép V) ngày 26/9/2010, thì đến ngày 22/7/2011 giữa Ngân hàng và bà Th có lập phiếu đối chiếu nợ có xác nhận của bà Th còn nợ gốc 800.000.000đ và đã trả lãi đến ngày 28/02/2011, đồng thời tại Biên bản làm việc ngày 14/01/2012 giữa ngân hàng và ông Lê Thanh H (con bà Th) thì ông H cũng xác nhận hộ vay nhận nợ vay 800.000.000đ, trách nhiệm trả nợ thuộc về hộ vay. Như vậy từ khi bà Th ký nhận nợ ngày 29/6/2010 cho đến tháng 01/2012 thì hai bên không có tranh chấp khiếu nại gì về khoản tiền vay này. Do đó, bà Th cho rằng bà vay dùm cho Công ty cổ phần luyện cán thép V và bà không nhận tiền nên bà không đồng ý trả nợ cho ngân hàng là không có cơ sở.

[2.3] Tại phiên tòa ông H đại diện cho bị đơn cho rằng phiếu đối chiếu trực tiếp khách hàng vay ngày 22/7/2011 do bà Thoa ký, nhưng có hai bản gốc và nội dung 02 bản gốc chỉ khác nhau là: 01 bản bà Th đang giữ (ông H không mang theo để xuất trình cho Tòa) không có nhận xét của cán bộ kiểm tra của ngân hàng, còn 01 bản do ngân hàng giữ có nhận xét của cán bộ kiểm tra “*khả năng trả nợ khó khăn*”, còn các nội dung khác giống nhau. Tại phiên Tòa đại diện ngân hàng thừa nhận hai bản gốc có khác như ông H trình bày là đúng. HĐXX xét thấy khi lập xong phiếu đối chiếu thì bà Th và Ngân hàng mỗi bên giữ một bản, sau đó ngân hàng có ghi thêm câu nhận xét của cán bộ ngân hàng đi kiểm tra “*khả năng trả nợ khó khăn*” việc ghi thêm này là không ảnh hưởng đến các nội dung khác mà bà Th đã ký xác nhận với tư cách là khách hàng về tình hình vay, trả nợ và tình trạng bảo đảm tài sản.

[2.4] Theo bản khai ngày 04/5/2023 và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn ông H đề nghị hòa giải theo phương án: Do bà Th cũng có một phần lỗi nên bà Th sẽ thanh toán cho ngân hàng 50% số tiền gốc là 400.000.000đ, không trả lãi. Nhưng tại phiên tòa đại diện ngân hàng không chấp nhận phương án hòa giải của đại diện bà Th. Do đó, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận phương án hòa giải của đại diện bị đơn bà Th đưa ra.

[3] Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2020 (BL 642) bà L thừa nhận bà đại diện Công ty V viết giấy mượn tiền và tài sản đề ngày 28/6/2010 và Công ty V có lập biên bản thỏa thuận ngày 23/7/2010 đều có nội dung Công ty V mượn nhà bà Th thế chấp vay số tiền 800.000.000đ. Do đó, bà L xin trả nợ thay cho bà Th nhưng ngân hàng không đồng ý vì bà L không phải là đối tượng vay. HĐXX xét thấy đây là quan hệ pháp luật khác giữa Công ty Cổ phần luyện cán thép V, bà L và bà Th nên các đương sự có tranh chấp quyền lợi, nghĩa vụ về tài sản tại Giấy mượn tiền và tài sản ngày 28/6/2010, Biên bản thỏa thuận ngày 23/7/2010 thì giải

quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Từ những nhận định nêu trên tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Đỗ Thị Anh Th có nghĩa vụ trả nợ vay gốc và lãi cho Ngân hàng và xử lý tài sản thế chấp nếu bà Th không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở nên HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Anh Th và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì bà Th sinh năm 1949 là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Thoa được miễn. Nhưng tòa cấp sơ thẩm buộc bà Th phải chịu 75.111.200đ là không đúng quy định pháp luật nên cấp phúc thẩm sửa lại phần án phí bà Th được miễn nộp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Th không phải chịu.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần nội dung, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa phần án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 293, 295, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Anh Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc bà Đỗ Thị Anh Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tính đến ngày 28/6/2022 là 2.155.562.306đ (Trong đó nợ gốc: 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 920.321.537 đồng và nợ lãi quá hạn: 435.240.769 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (28/6/2022) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi

thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp bà Đỗ Thị Anh Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên (mục 2 phần quyết định), thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 141/10 được công chứng tại Văn phòng công chứng Th ngày 29/6/2010 là nhà đất số nhà 31 Ng, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc 194/^{XD/05} ngày 17/5/1997 của UBND tỉnh Bình Định để Ngân hàng thu hồi nợ gốc và lãi.

Trường hợp bà Đỗ Thị Anh Th trả hết nợ thì Ngân hàng có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp và hoàn trả các giấy tờ đã nhận thế chấp cho bà Đỗ Thị Anh Th.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Anh Th được miễn nộp.

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 18.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00944 ngày 23/7/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Anh Th không phải chịu. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ cho ông Lê Thanh H đã nộp theo biên lai thu số 0004205 ngày 11/7/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Q.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng